

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 (có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm Mỹ Phú C, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông H sống chung từ năm 1991, đến nay không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn do ông H có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu và chửi mắng bà P. Tuy còn sống chung nhưng bà P không còn tình cảm với ông H. Do đó, nay bà P yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/3/1993 và Nguyễn Phước D2, sinh ngày 01/8/1999. Nay các con chung đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 12/6/2018 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H thừa nhận lời trình bày của bà P về thời gian chung sống cũng như việc ông và bà P không đăng ký kết hôn là đúng. Nay giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống được nữa nên ông H đồng ý ly hôn với bà P.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/3/1993 và Nguyễn Phước D2, sinh ngày 01/8/1999. Nay các con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà P và ông H đã thống nhất được các nội dung sau:

- Về hôn nhân: Bà P và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà P yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý.

- Về nuôi con: Con chung Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/3/1993 và Nguyễn Phước D2, sinh ngày 01/8/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Thùy D1 (bản sao chứng thực);

- Giấy khai sinh của Nguyễn Phước D2 (bản sao chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể H quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà P và ông H sống chung từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà P và ông H có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa bà P và ông H đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà P yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông H.

[2] Về nuôi con: Các con chung Nguyễn Thị Thuỳ D1, sinh ngày 20/3/1993 và Nguyễn Phước D2, sinh ngày 01/8/1999 đã trưởng thành. Bà P và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Bà P và ông H đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà P và ông H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Các con chung Nguyễn Thị Thuỳ D1, sinh ngày 20/3/1993 và Nguyễn Phước D2, sinh ngày 01/8/1999 đã trưởng thành. Bà P và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà P và ông H đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà P và ông H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04749, ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND TT. Mỹ T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo